

BỘ KHOA HỌC VÀ  
CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 27/2006/QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2006

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành "Quy định về tiêu chuẩn  
xác định dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao"

BỘ TRƯỞNG  
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

*Căn cứ Nghị định số 54/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ và Nghị định số 28/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2003/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28/8/2003 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Khu Công nghệ cao;*

*Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Công nghệ cao,*

QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết

định này "Quy định về tiêu chuẩn xác định dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao".

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

**Điều 3.** Vụ trưởng Vụ Công nghệ cao, Trưởng Ban quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Trưởng Ban quản lý Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG

Lê Đình Tiến

BỘ KHOA HỌC VÀ  
CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## QUY ĐỊNH

### Về tiêu chuẩn xác định dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 27/2006/QĐ-BKHCN  
ngày 18/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

**Điều 1.** Phạm vi và đối tượng áp dụng

Quy định này quy định các tiêu chuẩn xác định dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao (sau đây gọi tắt là dự án) được đầu tư vào Khu công nghệ cao Hòa Lạc và Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi chung là Khu công nghệ cao).

Quy định này không áp dụng đối với các dự án đầu tư nghiên cứu - phát triển, đào tạo, công nghiệp hỗ trợ, các loại dịch vụ và các loại hình đầu tư hoạt động trong Khu Bảo thuế nằm trong Khu công nghệ cao.

**Điều 2.** Tiêu chuẩn xác định dự án

Dự án được lựa chọn đầu tư vào Khu công nghệ cao phải đáp ứng được các tiêu chuẩn sau đây:

1. Lĩnh vực hoạt động của dự án phải thuộc các lĩnh vực công nghệ cao được khuyến khích đầu tư theo quy định tại

Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28/8/2003 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Khu Công nghệ cao, bao gồm:

a) Công nghệ thông tin, truyền thông và công nghệ phần mềm tin học;

b) Công nghệ sinh học phục vụ nông nghiệp, thủy sản và y tế;

c) Công nghệ vi điện tử, cơ khí chính xác, cơ - điện tử, quang - điện tử và tự động hóa;

d) Công nghệ vật liệu mới, công nghệ nano;

đ) Công nghệ môi trường, công nghệ năng lượng mới;

e) Một số công nghệ đặc biệt khác.

2. Sản phẩm của dự án được sản xuất tại Khu công nghệ cao phải thuộc Danh mục các sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích đầu tư sản xuất do Ban quản lý Khu công nghệ cao công bố.

3. Chi cho nghiên cứu - phát triển của dự án

a) Tổng chi cho nghiên cứu - phát triển được thực hiện tại Việt Nam chiếm tỷ lệ không dưới 5% tổng doanh thu hàng năm hoặc chi hoạt động nghiên cứu - phát triển thực hiện tại Việt Nam chiếm tỷ lệ không dưới 1% tổng doanh thu hàng năm.

b) Nội dung chi nghiên cứu - phát triển và nội dung chi hoạt động nghiên cứu - phát triển được quy định tại Phụ lục 1 kèm theo.

4. Số lao động có bằng đại học trở lên trực tiếp tham gia nghiên cứu - phát triển của dự án phải đạt ít nhất 5% tổng số lao động của dự án.

5. Dây chuyền công nghệ của dự án phải đạt trình độ tiên tiến, đảm bảo các yêu cầu sau: sản xuất trên dây chuyền được chuyên môn hóa và tổ chức theo phương pháp tự động hóa, trong đó có ít nhất 1/3 (một phần ba) số lượng thiết bị tự động được điều khiển theo chương trình; được bố trí trong không gian làm việc đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh công nghiệp theo quy định của pháp luật Việt Nam.

6. Hệ thống quản lý chất lượng của dự án phải đạt các tiêu chuẩn quốc tế chuyên ngành (ví dụ như ISO 9000/2001, CMM hoặc GMP, v.v.); phải áp dụng hệ thống quản lý doanh nghiệp bằng máy tính.

7. Dự án phải tuân thủ các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trong lĩnh vực hoạt động của dự án theo quy định của pháp luật Việt Nam. Khuyến khích dự án đạt được các tiêu chuẩn quốc tế về môi trường như ISO 14000 hoặc tiêu chuẩn tương đương.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Các Ban quản lý Khu công nghệ cao căn cứ vào chiến lược, mục tiêu phát triển của khu công nghệ cao, tình hình phát triển thực tế, tính đặc thù của từng lĩnh vực công nghệ cao:

a) Công bố Danh mục các sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích đầu tư vào khu công nghệ cao của mình trên cơ sở tham khảo Danh mục các sản phẩm công nghệ cao được Nhà nước khuyến khích đầu tư sản xuất (quy định tại Phụ lục 2 kèm theo).

Trong trường hợp cần thiết, Ban quản lý Khu công nghệ cao có thể đưa các sản phẩm công nghệ cao chưa được quy định tại Phụ lục 2 của Quy định này vào Danh mục các sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích đầu tư sản xuất tại khu công nghệ cao của mình, nhưng phải được sự chấp thuận của Bộ Khoa học và Công nghệ bằng văn bản.

b) Hướng dẫn nhà đầu tư lập dự án đầu tư, trong đó có giải trình rõ về công nghệ, quy trình công nghệ của dự án; cam kết giữa nhà đầu tư và Ban quản lý Khu công nghệ cao về tỷ lệ, lộ trình,

thời gian thực hiện các quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều 2 của Quy định này.

2. Ban quản lý Khu công nghệ cao có văn bản thỏa thuận với nhà đầu tư về những biện pháp xử lý cụ thể trong trường hợp nhà đầu tư không thực hiện đúng các cam kết đã được ký kết trên nguyên tắc:

a) Trong quá trình hoạt động, nếu quá thời hạn thực hiện đã được chấp thuận mà nhà đầu tư không thực hiện đúng các cam kết thì nhà đầu tư không được tiếp tục hưởng các ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam.

b) Trong trường hợp cần thiết, nhà đầu tư có thể yêu cầu Ban quản lý Khu công nghệ cao xem xét việc kéo dài thời hạn thực hiện cam kết với điều kiện có lý do chính đáng và nhà đầu tư đã thực hiện được trên 60% cam kết quy định tại các Khoản 3 và Khoản 4 Điều 2 của Quy định này.

3. Ban quản lý Khu công nghệ cao tạo điều kiện và khuyến khích việc thực hiện các tiêu chuẩn được quy định trong Quy định này đối với các dự án đã được cấp giấy phép đầu tư vào Khu công nghệ cao trước thời điểm Quy định này có hiệu lực.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề vướng mắc nảy sinh, các Ban quản lý Khu công nghệ cao kịp thời báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, chỉ đạo giải quyết.

Hàng năm Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức kiểm tra việc thực hiện các tiêu chuẩn quy định tại Điều 2 Quy định này của các Dự án thuộc Khu công nghệ cao./.

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG

Lê Đình Tiến

**Phụ lục I****CHI NGHIÊN CỨU - PHÁT TRIỂN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 27/2006/QĐ-BKHCN ngày 18/12/2006)

1. Chi nghiên cứu - phát triển bao gồm: Chi xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho nghiên cứu; chi hoạt động nghiên cứu - phát triển; chi đào tạo cán bộ nghiên cứu.

2. Chi xây dựng hạ tầng kỹ thuật cho nghiên cứu bao gồm:

a) Chi xây lắp cơ sở nghiên cứu, thí nghiệm, thử nghiệm.

b) Chi mua sắm trang thiết bị nghiên cứu, thí nghiệm, thử nghiệm.

c) Chi mua phần mềm máy tính, tài liệu kỹ thuật.

3. Chi cho hoạt động nghiên cứu - phát triển bao gồm:

a) Tiền lương, tiền công, phụ cấp cho các cán bộ nghiên cứu và phục vụ nghiên cứu; thù lao cho các chuyên gia nhận xét, phản biện, đánh giá các kết quả nghiên cứu; tiền công cho các đối tượng lao động khác tham gia và phục vụ nghiên cứu; chi hội thảo, hội nghị khoa học liên quan đến nội dung nghiên cứu của dự án.

b) Mua và vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hóa chất, nhiên liệu, năng lượng, phục vụ cho nghiên cứu.

c) Mua sản phẩm mẫu, tài liệu, số liệu quan trắc, số liệu điều tra, thông tin điện tử, văn phòng phẩm, vật dụng bảo hộ lao động, vật rẻ tiền mau hỏng phục vụ cho nghiên cứu.

d) Thuê cơ sở, trang thiết bị phục vụ cho nghiên cứu, thí nghiệm và thử nghiệm.

đ) Các chi phí sau đây không được tính vào chi hoạt động nghiên cứu - phát triển: Chi phí kiểm tra chất lượng sản phẩm hoặc kiểm tra định kỳ nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng; chi phí mua sắm công cụ, sản phẩm cho sản xuất; chi phí cho hoạt động nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn; chi phí thu thập dữ liệu định kỳ không liên quan đến nghiên cứu; chi phí điều tra về hiệu quả hoặc nghiên cứu về quản lý; chi phí nghiên cứu về tiếp thị và quảng cáo bán hàng.

4. Chi cho đào tạo cán bộ nghiên cứu bao gồm: chi đào tạo dài hạn hoặc ngắn hạn cho các cán bộ nghiên cứu của dự án ở trong nước và ở nước ngoài.

**Phụ lục II****DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO  
ĐƯỢC KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ SẢN XUẤT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 27/2006/QĐ-BKHCN ngày 18/12/2006)

**I. Sản phẩm công nghệ cao trong viễn thông và công nghệ thông tin***Viễn thông*

1. Điện thoại di động, các loại phụ kiện cho tổng đài và một số hệ thống viễn thông, đầu cuối vệ tinh.

2. Thiết kế và tối ưu hóa các mạng lưới và hệ thống viễn thông trong hạ tầng viễn thông quốc gia.

3. Cáp quang và các loại cáp viễn thông.

*Công nghệ thông tin*

4. Máy tính và các thiết bị ngoại vi.

5. Ổ đĩa cứng, đĩa laser.

6. RAM dung lượng lớn

7. Màn hình phẳng, màn hình có độ phân giải cao

8. Máy tính hiệu năng cao

9. Máy tính và hệ thống nhúng

10. Trang thiết bị RFID

11. Hệ thống chứng thực điện tử

12. Chương trình tích hợp thiết bị nhúng, máy tính để bàn và máy chủ cùng các chương trình trung gian

13. Phần mềm giá trị gia tăng trên

mạng điện thoại di động và các hệ thống băng rộng

14. Các phần mềm an toàn an ninh máy tính và mạng

15. Phần mềm và thiết bị phiên dịch tự động

16. Phần mềm và thiết bị để nhận biết âm thanh

17. Phần mềm và thiết bị nhận dạng chữ viết, hình ảnh

**II. Sản phẩm công nghệ cao trong tự động hóa, cơ điện tử và cơ khí chính xác***Thiết bị về Điện tử*

1. Mạch in

2. Bảng mạch điện và bảng điều khiển

3. Ống vi sóng, các loại van và ống khác

4. Thiết bị bán dẫn (điốt, máy chuyển dòng, thristor, diac, triac, thiết bị cảm ánh sáng)

5. Mạch tích hợp điện tử và các vi lắp ráp (các đơn vị tích hợp nguyên số hóa, các đơn vị tích hợp nguyên phi số hóa, các mạch tích hợp lai ghép)

6. Tinh thể áp điện

7. Các tụ cố định (tantali cố định, tụ nhôm điện phân cố định, tụ gốm điện môi cố định đơn và đa lớp)

8. Các máy điện chuyên dụng, máy gia tốc phân tử

9. Các thiết bị âm thanh điện tử hoặc tín hiệu hình ảnh

10. Chất bán dẫn và các linh kiện điện tử kỹ thuật cao khác.

#### *Thiết bị khoa học*

11. Thiết bị chẩn đoán điện tử cho y tế, phẫu thuật và thiết bị X-quang

12. Ống nhòm, thiết bị trong thiên văn học, các ống viễn vọng quang học (kính hiển vi quang học, kính hiển vi quang học đa hợp, kính hiển vi lập thể, v.v)

13. Các dụng cụ tinh thể lỏng, các thiết bị laser và quang học khác

14. Các động cơ khoan nha khoa

15. Các thiết bị, dụng cụ đo, kiểm (la bàn, thiết bị lái; đo, kiểm cho chất lỏng, khí; đo, kiểm áp)

16. Các thiết bị, dụng cụ phân tích lý, hóa (phân tích ga, khói, quang phổ, phóng xạ quang học, đo ánh sáng)

17. Các thiết bị, dụng cụ cân nhạy, kiểm tra độ cứng, đo mật độ

18. Các thiết bị, dụng cụ điều chỉnh, kiểm soát tự động (điều nhiệt, điều áp)

19. Các thiết bị, dụng cụ phân tích

điện, sóng, quang phổ (phát hiện chất phóng xạ Ion, phân tích điện sóng tia catôt, đo về điện, đo trong viễn thông)

20. Các thiết bị, dụng cụ cho chụp ảnh, quay phim, sợi quang học, mắt kính áp tròng, mắt giả, máy trợ thính, máy điều hòa nhịp tim

21. Thiết bị y tế trong công nghệ phân tích và công nghệ chiết xuất trong y học.

#### *Máy, thiết bị không dùng điện:*

22. Các tuốc bin khí

23. Các lò phản ứng hạt nhân

24. Các thiết bị tách các chất đồng vị

25. Các thiết bị hoạt động bằng tia laser hoặc quy trình ánh sáng hoặc chùm photon, siêu thanh, phóng điện hoặc hóa - điện, chùm điện tử, chùm ion, phun plasma

26. Các máy điều khiển bằng số (máy tiện, khoan, nghiền, xay, mài, uốn, gấp, cán, xén, đục lỗ, hàn, hàn cầu vồng, hàn cầu vồng plasma kim loại).

#### *Thiết bị tự động hóa:*

27. Trang, thiết bị phục vụ thiết kế và chế tạo với sự trợ giúp của máy tính (CAD/CAM)

28. Trang, thiết bị phục vụ tự động hóa tích hợp toàn diện cho quá trình sản xuất, đo lường, xử lý thông tin, dự báo thời tiết và thiên tai, bảo vệ môi trường

29. Trang, thiết bị phục vụ công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC) trong gia công chế tạo, máy công cụ

30. Robot công nghiệp; trang, thiết bị robot

31. Thiết bị chế tạo vật liệu nano, thiết bị ứng dụng công nghệ nano.

### III. Sản phẩm công nghệ cao trong lĩnh vực vật liệu

*Vật liệu tiên tiến phục vụ cho nông nghiệp*

1. Các vật liệu màng polymer tiên tiến dùng trong che phủ nhà kính

2. Polyme siêu hấp thụ nước để giữ ẩm cho đất, cải tạo đất, khắc phục hạn hán, tăng khả năng nảy mầm, tăng năng suất cây trồng

3. Polyme phân hủy sinh học.

*Vật liệu tham gia vào khâu bảo quản nông sản*

4. Nguyên tố vi lượng (ví dụ đất hiếm) cho phân bón

5. Vật liệu cho hóa chất bảo vệ thực vật

6. Vật liệu chế tạo sensor dùng trong nhà kính.

*Vật liệu cho hóa dầu, lọc dầu.*

7. Vật liệu tiên tiến (ví dụ sử dụng công nghệ nano) trong sản xuất phụ gia, xúc tác cao cấp tăng cường năng suất, chất lượng lọc dầu và các sản phẩm hóa dầu.

*Gốm sứ kỹ thuật.*

Chú trọng gốm sứ cho công nghiệp điện - điện tử

8. Vật liệu sứ cách điện cao thế

9. Vật liệu sứ kỹ thuật cao (sứ chịu nhiệt, sứ chịu mài mòn)

10. Gốm áp điện

11. Vật liệu thủy tinh cách điện cao thế;

12. Gốm điện tử (electronic ceramics).

*Vật liệu nano*

13. Nano composit, nano kim loại

14. Nano mmpint, nano lithography

15. Nano oxit kim loại

16. Ống than nano (carbon nano tube)

17. Nanowire, nanorod.

*Vật liệu cho năng lượng.*

18. Vật liệu dùng cho chế tạo các nguồn điện cao cấp. Một phần thay thế cho các nguồn năng lượng truyền thống dung than và dầu.

19. Vật liệu điện hóa tiên tiến chế tạo các nguồn điện cao cấp chuyên dụng như Li-ion, Ni-Cd, Ni-MH dùng trong các thiết bị điện tử viễn thông, điện thoại, máy tính xách tay, ô tô, xe máy xe đạp chạy điện.

20. Pin nhiên liệu hydro.



21. Pin năng lượng mặt trời để đun nước, phát điện.

22. Pin nhiên liệu methanol, pin sinh học.

*Vật liệu cho Y, Dược.*

23. Vật liệu dùng trong y học để thay thế một số bộ phận của cơ thể con người: các polime sinh học, composit các-bon, vật liệu điều tiết sinh lý, vật liệu điều tiết tăng trưởng, vật liệu các-bon xốp, vật liệu bi-ô-xi-tan;

24. Vật liệu cao phân tử dùng trong dược học;

25. Vật liệu cao phân tử dùng trong mỹ phẩm;

*Vật liệu polymer và composit*

26. Vật liệu composit nền cao phân tử phục vụ giao thông vận tải: sản xuất canô, tàu xuồng cỡ nhỏ, vỏ một số bộ phận ô tô, xây dựng cầu cỡ nhỏ bắc qua kênh rạch

27. Composit dùng sợi tự nhiên như đay, lanh

28. Polymer dẫn điện

29. Vật liệu composit cao phân tử sử dụng cho kỹ thuật điện và điện tử trong điều kiện môi trường khắc nghiệt.

*Vật liệu điện tử, quang tử.*

30. Vật liệu từ ứng dụng trong công nghiệp điện tử: nam châm đất hiếm, các vật liệu vô định hình và vi tinh thể, vật

liệu từ nano, sử dụng các hiệu ứng từ nhiệt từ trở khổng lồ.

31. Vật liệu và linh kiện cảm biến (bán dẫn, siêu dẫn, các chất dẫn điện mới, gốm áp điện) sử dụng trong các thiết bị đo, trong các thiết bị tự động hóa, trong sinh học và y học.

32. Vật liệu và linh kiện quang - điện tử (optoelectronics) và quang tử (photonics) phục vụ cho lĩnh vực viễn thông, tự động hóa. Vật liệu và linh kiện bán dẫn thu nhận ánh sáng, vật liệu và linh kiện bán dẫn phát quang, laze bán dẫn, các vật liệu quang phi tuyến, dây dẫn quang, dây dẫn quang có khuếch đại, laze dây, đĩa quang, các vật liệu quang điện hóa v.v.

33. Giấy dẫn điện (bucky paper)

34. Mực dẫn điện.

*Vật liệu kim loại*

35. Composit nền kim loại sử dụng trong kỹ thuật điện, điện tử và y - sinh

36. Các loại thép hợp kim có độ bền cao

37. Thép chịu ăn mòn hóa và nhiệt.

#### **IV. Sản phẩm công nghệ cao trong lĩnh vực công nghệ sinh học**

*Trong lĩnh vực y tế*

1. Vacxin thể hệ mới cho người

2. Protein tái tổ hợp phục vụ chữa một số bệnh cho người

3. Thuốc kháng sinh cho người
4. KIT chẩn đoán trong y tế, Chip ADN
5. Vật liệu nano sinh học
6. Chỉ khâu kỹ thuật và màng mỏng sinh học dùng trong y tế.

*Trong lĩnh vực nông, lâm, thủy sản*

7. Vacxin thể hệ mới cho thú y
8. Protein tái tổ hợp sử dụng làm thuốc trừ sâu sinh học, bảo quản trước và sau thu hoạch
9. KIT sinh học, điện cực sinh học chẩn đoán trị liệu cây trồng, vật nuôi
10. Giống cây trồng được sản xuất bằng công nghệ mô hom cải tiến, bằng nuôi cấy mô - tế bào, bằng nuôi cấy bao phấn và chuyển gen chống chịu sâu bệnh và điều kiện khí hậu bất lợi
11. Học môn điều khiển đơn tính các loài cá.

*Trong công nghiệp:*

12. Chế phẩm giàu dinh dưỡng (từ động vật, thực vật) phục vụ sức khỏe cho người và vật nuôi
13. Nhiên liệu sinh học thay thế nhiên liệu tự nhiên (Etanol, xăng dầu từ xenloluza, Hydro sử dụng Hydrogenase, dầu diesel từ dầu thực vật)
14. Enzim tái tổ hợp
15. Axit amin, Axit hữu cơ
16. Màng polymer sinh học
17. Thiết bị nghiên cứu và sản xuất CNSH.

*Trong môi trường*

18. Thiết kế và chế tạo dây chuyền xử lý chất thải (rắn, lỏng) bằng công nghệ sinh học
19. Thiết bị xử lý ô nhiễm môi trường xử lý chất thải tiên tiến khác.